QUAN HỆ AN NINH MỸ - ASEAN (1977 – 2024)

Nguyễn Huy Phương
Trường Đại học Phú Yên
Email: nguyenhuyphuong@pyu.edu.vn
Ngày nhận bài: 05/05/2024; Ngày nhận đăng: 03/06/2024

Tóm tắt

Quan hệ Mỹ - ASEAN (1977 – 2024) đã trải qua nhiều thăng trầm vì chịu sự tác động bởi bối cảnh quốc tế, khu vực và cả tình hình bên trong của mỗi bên. Trải qua thời gian, quan hệ Mỹ - ASEAN đã không ngừng được mở rộng, tăng cường trên nhiều phương diện, đặc biệt là quan hệ trên lĩnh vực an ninh. Bài viết này sẽ khái quát quan hệ Mỹ - ASEAN trên lĩnh vực an ninh trong hơn 45 năm qua (1977 – 2024), đưa ra một vài nhận xét về mối quan hệ này.

Từ khoá: *ASEAN, Mỹ, Quan hệ Mỹ - ASEAN, Đông Nam Á.*

US - ASEAN security relations (1977 – 2024)

Nguyen Huy Phuong
Phu Yen University
Received: May 05, 2024; Accepted: June 03, 2024

Abstract

US - ASEAN relations (1977 - 2024) have gone through many ups and downs because they were influenced by the international and regional contexts as well as each side's internal situations. Over time, US-ASEAN relations have continuously been expanded and strengthened in many aspects, especially the ones in the field of security. This article will overview the US-ASEAN relationship in the field of security over the past 45 years (1977 - 2024), and presenting a few comments on this relationship.

Keywords: *ASEAN, US, US - ASEAN relations, South-East Asia.*

1. Mở đầu

Sau khi cuộc chiến tranh Đông Dương kết thúc năm 1975, với sự thất bại hoàn toàn của Mỹ, bối cảnh quốc tế và khu vực Đông Nam Á đã có những biến đổi sâu sắc. Trong bối cảnh mới, cả các nước ASEAN và Mỹ đều đã có những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại. ASEAN trở nên chủ động và tích cực hơn trong việc cải thiện quan hệ với các nước Đông Dương, tạo khoảng cách nhất định trong quan hệ Mỹ và ngăn chặn Trung Quốc nhảy vào lấp chỗ trống sau khi Mỹ rút đi. Tuy địa vị và uy tín của Mỹ trên thế giới bị giảm sút một cách tương đối, nhưng Mỹ vẫn cố gắng "duy trì nguyên trạng" địa vị và ảnh hưởng của Mỹ trên thế giới, trong đó có khu vực Đông Nam Á. Dưới tác động của bối cảnh quốc tế, khu vực và sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của cả hai phía, Mỹ và ASEAN đã thiết lập quan hệ đối thoại chính thức vào năm 1977. Mỹ coi đó là

điều kiện để Mỹ tái "can dự" vào các vấn đề ở khu vực, còn ASEAN coi Mỹ như sự đảm bảo an ninh, hòa bình và ổn định cho khu vực.

2. Nội dung

2.1. Khái quát quan hệ an ninh Mỹ - ASEAN (1977 – 1990)

Trong thời kỳ này, Mỹ muốn biến ASEAN thành một liên minh quân sự để kiềm chế Việt Nam và ảnh hưởng của Liên Xô trong khu vực (Phê-đu-lốp-va, N, 1983). Thực hiện mục tiêu đó, trong thời gian từ 1977 đến 1990, Mỹ đã tìm cách lôi kéo các nước ASEAN đi theo chiến lược chính trị - quân sự của Mỹ. Tuy nhiên, các nước ASEAN đã nhận thức được rằng, việc thành lập một khối quân sự ở Đông Nam Á sẽ làm cho ASEAN sẽ phụ thuộc vào Mỹ. Do đó, quan hệ an ninh Mỹ - ASEAN trong thời kỳ này được biểu hiện qua các hình thức sau:

- Thứ nhất, Mỹ tiếp tục duy trì liên minh quân sự với các đồng minh trong ASEAN (Philippines, Thái Lan) và xây dựng quan hệ an ninh mới với Indonesia, Singapore. Từ cuối năm 1976, Philippines đồng ý để Mỹ được tiếp tục sử dụng các căn cứ quân sự Subic và Clark. Ngày 31/12/1978, Mỹ - Philippines đã ký kết Hiệp ước song phương, cho phép Mỹ tiếp tục sử dụng các căn cứ quân sự ở Philippines, Hiệp định này sau đó được gia hạn vào 1/6/1983. Thái Lan cũng cho phép tàu của hải quân Mỹ ghé vào các cảng của Thái Lan; tiến hành tập trận chung quy mô lớn với Mỹ, có sự tham gia của hơn 15.000 quân; thương lượng để Mỹ lập kho vũ khí chiến lược ở Thái Lan... Mỹ còn đạt được những thỏa thuận với các nước Indonesia, Malaysia và Singapore trong việc cho phép Mỹ sử dụng các hải cảng và sân bay cho mục đích quân sự trong trường hợp khẩn cấp.

- Thứ hai, Mỹ viện trợ quân sự cho các nước ASEAN qua đó thúc đẩy các nước tăng cường thực lực quân sự và ngày càng phụ thuộc hơn vào Mỹ.

Từ năm 1976 đến năm 1991, số tiền viện trợ quân sự của Mỹ cho các nước ASEAN luôn tăng dần, từ 103 triệu USD (1976) lên 429 triệu USD (1985), tức tăng gấp 2,5 lần (Lê Khương Thùy, 2003). Trong các nước ASEAN, Mỹ vẫn luôn coi Philippines và Thái Lan là hai đồng minh quan trọng hơn cả. Vì vậy mà Mỹ luôn giành cho Philippines và Thái Lan khoản viện trợ an ninh quân sự lớn nhất so với các nước ASEAN còn lại. Tổng viện trợ an ninh của Mỹ cho Thái Lan và Philippines (từ năm 1979 đến năm 1986) là 643,23 triệu USD và 767,45 triệu USD so với Indonesia, là nước nhận viện trợ an ninh quân sự của Mỹ nhiều nhất trong các nước ASEAN còn lại, chỉ đến 290,13 triệu USD, ít hơn Thái Lan 2,22 lần và ít hơn Philippines 2,65 lần.

Cùng với viện trợ quân sự, Mỹ còn ra sức "tuyên truyền về cái gọi là "mối đe dọa của Liên Xô" đối với châu Á, về "sự thâm nhập của Liên Xô" vào Đông Nam Á (Phê-đu-lốp-va, N, 1983), để thúc giục các nước ASEAN tăng cường lực lượng quân sự và thúc đẩy các liên kết quân sự. Theo đó, các nước ASEAN đã tăng chi phí quân sự lên đáng kể: Năm 1980 là 5,5 tỷ USD, tăng 45% so với năm 1979 và gấp đôi so với năm 1975 (Thông tin quan hệ quốc tế, 1987); năm 1981: 6,969 tỷ USD; năm 1982: 8,304 tỷ USD; năm 1983: 8,025 tỷ USD và năm 1984: 8,474 tỷ USD. Trong đó chủ yếu là sử dụng để mua vũ khí của nước ngoài mà phần lớn là từ Mỹ. Từ 1977 đến 1980, Mỹ đã bán cho các nước ASEAN một lượng lớn vũ khí, trị giá lên tới 2,5 tỉ USD, gấp 2 lần so với trong 7 năm trước đó (Lê Văn Anh, 2009). Qua đó, quan hệ quân

sự giữa các nước ASEAN và giữa ASEAN với Mỹ tăng lên đáng kể.

- Thứ ba, Mỹ yêu cầu các đồng minh của Mỹ ở châu Á – Thái Bình Dương như Nhật Bản, Australia, Hàn Quốc... tích cực tham gia vào việc phát triển tiềm lực quân sự và nâng cao khả năng chiến đấu của lực lượng quân sự các nước ASEAN. Như Australia đã cung cấp vũ khí, đào tạo cán bộ, tiến hành tập trận chung... với các nước ASEAN; Nhật Bản tuyên bố sẵn sàng mở rộng viện trợ cho các nước ASEAN theo yêu cầu của Mỹ (Lê Khương Thùy, 2003). Mỹ cũng sử dụng chương trình đào tạo và huấn luyện quân sự cho nước ngoài như một biện pháp nhằm thắt chặt hơn nữa quan hệ quân sự Mỹ - ASEAN. Năm 1980, Mỹ tài trợ cho ASEAN theo chương trình này 3,17 triệu USD, năm 1985 là 7,5 triệu USD và năm 1986 số tiền đó lên đến 9,5 triệu USD, gấp 3 lần so với năm 1980 (Thông tin quan hệ quốc tế, 1987). Năm 1984, có 928 học viên của ASEAN đã tham gia các khóa huấn luyện tại Mỹ.

Với việc tăng cường quan hệ trên lĩnh vực an ninh Mỹ - ASEAN, Mỹ đã đảm bảo sự hiện diện quân sự của mình ở Đông Nam Á, còn ASEAN đã thành công trong việc đảm bảo hòa bình, an ninh khu vực và không phụ thuộc vào Mỹ.

2.2. Quan hệ an ninh Mỹ - ASEAN (1991 – 2000)

Cùng với sự chấm dứt của Chiến tranh lạnh và sự sụp đổ của trật tự thế giới hai cực Yalta, bối cảnh quốc tế và khu vực Đông Nam Á đã có nhiều thay đổi. Cả Mỹ và các nước ASEAN phải điều chỉnh chiến lược đối ngoại để phù hợp với tình hình mới.

Mỹ cho rằng để củng cố an ninh trong khu vực phải đồng thời triển khai trên ba hướng: (1) tiếp tục duy trì sự có mặt của quân đội Mỹ ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương; (2) tiếp tục duy trì và tăng cường các liên minh song phương với Mỹ ở khu vực và (3) thiết lập cơ cấu an ninh mới cho khu vực dưới sự lãnh đạo của Mỹ. Những người lãnh đạo chính quyền Mỹ đã nhấn mạnh rằng "Nhu cầu tiếp tục sự có mặt quân sự tầm xa của Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương là hòn đá tảng cho vai trò an ninh của Mỹ trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương"; hay "… cho phép chúng ta có phản ứng nhanh chóng để bảo vệ lợi ích của Mỹ chẳng những ở châu Á mà còn ở xa hơn nữa, …" (Lê Bá Thuyên, 1996).

Đối với ASEAN "việc gìn giữ mối quan hệ cân bằng với các nước lớn là có lợi cho an ninh của họ và cũng có lợi cho ổn định khu vực. Hơn nữa sự cân bằng này không phải là tiêu cực và thụ động mà là tích cực và chủ động" (Yongming Shi, 1997). Chính vì lẽ đó mà các nước ASEAN một mặt tiếp tục duy trì và tăng cường hợp tác an ninh, quân sự với Mỹ, mặt khác luôn tìm kiếm sự cân bằng lực lượng giữa các nước trong khu vực. Song, thái độ của ASEAN với các nước lớn cũng đã chuyển từ chỗ dựa dẫm, bị động sang chủ động và có lợi dụng (Đào Lê Minh, 1997). Do đó, ASEAN cần phải xây dựng cơ chế an ninh mới có sự tham gia của tất cả các nước lớn trong khu vực, trong đó ASEAN phải giữ được vai trò trung tâm.

Trên cơ sở điều chỉnh chính sách đối ngoại như trên, quan hệ Mỹ - ASEAN trên lĩnh vực an ninh giai đoạn 1991 - 2000, được thể hiện qua các hình thức sau:

- Thứ nhất, duy trì sự có mặt về quân sự của Mỹ ở khu vực Đông Nam Á bằng các hiệp ước song phương được gia hạn hoặc ký kết dưới hình thức mới giữa Mỹ với các nước trong ASEAN. Nhưng Mỹ không cần đến những căn cứ vĩnh viễn có cấu tạo hạ tầng nặng nề. Nước Mỹ cần bàn về qui định cho Mỹ sử dụng các công trình

phục vụ cho "các cuộc xung đột thấp với chi phí thấp" (Viện nghiên cứu bảo vệ hòa bình và an ninh Nhật Bản, 1994). Nghĩa là Mỹ chỉ cần có những cơ sở cho phép Mỹ triển khai lực lượng nhanh nhất ở khu vực này khi cần thiết. Còn ASEAN cho rằng sự hiện diện quân đội Mỹ ở căn cứ quân sự của Nhật Bản và Hàn Quốc cũng đã đủ để bảo đảm an ninh cho cả khu vực, nên họ không muốn Mỹ đặt căn cứ ở khu vực Đông Nam Á. Ngày 02/11/1994, Bộ trưởng Ngoại giao Indonesia đã nêu rõ: "cần có Mỹ ở châu Á như một nhân tố cân bằng, nhưng sự hiện diện của họ không phải dưới hình thức căn cứ quân sự" (Đào Huy Ngọc (cb) và nnk, 1997). Theo đó, Mỹ và các nước ASEAN đã đạt được những thỏa thuận như:

Với Philippines, mặc dù Mỹ buộc phải rút toàn bộ quân đội khỏi căn cứ ở nước này (cuối 1992), nhưng Mỹ vẫn tiếp tục duy trì hiệp định hỗ trợ phòng thủ với Philippines.

- Thứ hai, nhằm duy trì và tăng cường hợp tác an ninh, Mỹ và các nước ASEAN cũng thường xuyên có những cuộc diễn tập quân sự song phương hay đa phương hàng năm. Từ năm 1990, quân đội Indonesia đã bắt đầu tập trận chung với quân đội Mỹ. Năm 1995, Mỹ và Thái Lan đã tiến hành 35 cuộc tập trận, năm 1997 hai nước lại có một cuộc tập trận lớn mang tên "Hổ mang vàng", sau đó hai nước tiếp tục thực hiện cuộc tập trận này hàng năm. Tháng 5/1999, Mỹ tiến hành tập trận trên qui mô lớn ở Philippines, trong đó có các cuộc tập trận chung với quân đội nước này, đồng thời cho phép các tàu chiến Mỹ đỗ lại các cảng ở đây (Grebenshchikov E.S, 2002). Mùa hè năm 2000, ở Đông Nam Á đã diễn ra cuộc diễn tập của hải quân mang tên "Flying Fish" (Cá bay), với sự tham gia của Mỹ, Australia, New Zealand, Philippines, Đài Loan, Thái Lan, Malaysia, Singapore.

Từ sau Chiến tranh lạnh, Mỹ cũng dần cải thiện quan hệ với các nước Đông Dương. Mỹ đã đóng vai trò quan trọng trong tiến trình lập lại hòa bình ở Campuchia, cùng Australia viện trợ quân sự, giúp huấn luyện lực lượng quân đội cho Campuchia. Quan hệ giữa Mỹ với Lào và Việt Nam cũng được cải thiện theo hướng bình thường hóa (Phạm Thị Miên, 1995). Năm 1991, hai nước Lào - Mỹ đã có sự thống nhất và phối hợp với nhau trong việc tìm kiếm người Mỹ mất tích trong chiến tranh, chương trình khảo sát chống ma tuý, chương trình tháo gỡ mìn (Nguyễn Xuân Sơn và Thái Văn Long, 1997).

- Thứ ba, Mỹ triển khai chiến lược châu Á - Thái Bình Dương, nhằm tham gia rộng rãi hơn, xâm nhập sâu hơn, tập trung hơn vào công việc ở khu vực này. Mục đích là để đảm bảo chắc chắn quyền lãnh đạo của Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Theo đó, chiến lược quân sự của Mỹ còn hướng đến "xây dựng liên minh quân sự có tính khu vực, hình thành cơ chế đối thoại an ninh khu vực" (Đào Lê Minh, 1997). Bằng cách đó Mỹ, một mặt có thể duy trì vai trò lãnh đạo của mình về quân sự ở khu vực, mặt khác có thể giảm bớt chi phí thông qua việc chia sẻ trách nhiệm với các liên minh. Do đó, ngay từ khi ARF ra đời Mỹ đã tỏ ý ủng hộ và tích cực tham gia vào diễn đàn này nhằm giành lấy vai trò chủ chốt.

2.3. Quan hệ an ninh Mỹ - ASEAN (2001 – 2024)

Sự kiện nước Mỹ bị lực lượng khủng bố tấn công vào ngày 11/9/2001 đã tác động mạnh đến tình hình nước Mỹ và cả trên bình diện quốc tế. Sau sự kiện này, Mỹ và các quốc gia trên thế giới đều phải có những điều chỉnh chính sách để đối phó với

sự thay đổi của bối cảnh quốc tế mới. Theo đó, Mỹ đã triệt để lợi dụng sự kiện 11/9 để chuyển dần trọng tâm chiến lược của mình từ châu Âu sang châu Á – Thái Bình Dương, lợi dụng chống khủng bố để lôi kéo, khuếch trương, mặc cả và gây áp lực với các nước nhằm tập hợp lực lượng, hình thành "liên minh chống khủng bố" do Mỹ cầm đầu.

Mỹ khẳng định ở khu vực Đông Nam Á có mạng lưới khủng bố Hồi giáo hoạt động xuyên quốc gia và có quan hệ mật thiết với Al-Qaeda, nhưng độc lập với tổ chức này. Trong chiến lược toàn cầu mới, châu Á – Thái Bình Dương, và nhất là Đông Nam Á trở thành một trong những trọng điểm chiến lược của Mỹ. Mỹ đã coi Đông Nam Á là mặt trận thứ hai trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu. Mỹ mượn cớ chống khủng bố để công khai và hợp pháp hóa việc triển khai lực lượng quân sự trở lại khu vực Đông Nam Á. Mỹ cho rằng, một số nước như Philippines, Indonesia, Malaysia, Singapore … có lực lượng của "các tổ chức khủng bố" đang lẩn trốn, nên gây áp lực buộc những nước này phải phối hợp cùng Mỹ để tăng cường lùng sục, tìm kiếm và tiêu diệt bằng được các lực lượng khủng bố đó.

Trong chiến lược an ninh quốc gia năm 2002, Mỹ đã kêu gọi kết hợp các liên minh song phương và hợp tác với các thể chế khu vực nhằm xử lý những thay đổi ở khu vực Đông Nam Á năng động, kể cả việc tiếp tục duy trì sự hiện diện của quân đội Mỹ. Những mục tiêu của hợp tác khu vực bao gồm thiết lập sự cân bằng quyền lực toàn cầu có lợi cho tự do, xây dựng những chương trình nghị sự hợp tác tích cực trong cuộc chiến chống khủng bố và cuối cùng là tạo ra một châu Á ổn định chiến lược. Thực hiện điều này, Mỹ đã tiến hành triển khai đồng thời các hợp tác đa phương lẫn song phương với ASEAN.

Trong khuôn khổ đa phương, Mỹ chủ trương điều chỉnh chiến lược theo hướng tăng cường hợp tác đa phương ở khu vực này bằng cách tăng cường lực lượng và tầm hoạt động của quân đội Mỹ ở Đông Nam Á.

Mỹ đã đưa ra sáng kiến về chương trình hợp tác hải quan chống khủng bố (CTPAT) và sáng kiến an ninh vận tải Container (CSI), theo đó Mỹ yêu cầu áp dụng biện pháp kiểm tra an ninh mới đối với các tàu vận tải container hàng xuất khẩu vào Mỹ xuất phát từ 20 cảng trên thế giới nhằm ngăn ngừa các tổ chức khủng bố lợi dụng đường vận chuyển hàng hóa trên biển để xâm hại đến nước Mỹ. Ngày 1/8/2002, tại Brunei, Mỹ và ASEAN ký kết tuyên bố chung về hợp tác chống khủng bố với mục tiêu là: "ngăn ngừa, phá vỡ và chống lại chủ nghĩa khủng bố quốc tế". Theo đó, Mỹ đã sử dụng nhiều biện pháp khác nhau như viện trợ quân sự, đào tạo sĩ quan quân đội, tiến hành tập trận chống khủng bố với các nước ASEAN.

Nhằm tăng cường khả năng phối hợp tác chiến quân sự, ứng phó với các vấn đề an ninh (cả truyền thống và phi truyền thống) của khu vực và nhằm xây dựng lòng tin giữa Mỹ với các quốc gia ASEAN, từ 2001 đến nay, Mỹ đã cùng các nước ASEAN thường niên tổ chức nhiều cuộc tập trận chung. Như: Hổ mang vàng (Cobra Gold) ban đầu là giữa Mỹ với Thái Lan nhằm chống kẻ thù chung, nhưng đến nay đã có hơn 20 nước tham gia nhằm giải quyết các vấn đề chung liên quan đến hòa bình, cũng như những vấn đề xuyên quốc gia khác, bao gồm chống cướp biển, ma túy và buôn người, hoạt động cứu trợ nhân đạo, đối phó thiên tai, xây dựng cộng đồng và hoạt động tái thiết; CARAT, bắt đầu từ 2002, là các cuộc tập trận song phương

thường niên giữa Hạm đội 7 của Mỹ với 7 quốc gia ASEAN. PHIBLEX, bắt đầu từ 2003, là cuộc diễn tập tác chiến đổ bộ đường biển giữa quân đội Mỹ và quân đội Philippines được tổ chức hằng năm. SEACAT, bắt đầu từ năm 2002, là cuộc diễn tập thường niên hợp tác chống khủng bố giữa hải quân Mỹ và hải quân 6 nước ASEAN gồm Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan; … (Trùng Quang, 2011).

Từ năm 2001 đến nay, Mỹ không ngừng tăng cường ảnh hưởng của mình trong các cơ chế an ninh đa phương ở khu vực. Qua đó, Mỹ muốn thể hiện vai trò lãnh đạo, vị thế quan trọng của mình đối với khu vực Đông Nam Á.

Từ năm 2002, khi Hội nghị Thượng đỉnh an ninh châu Á (hay còn được biết đến là Đối thoại Shangri-La) lần đầu tiên được tổ chức tại Singapore, Mỹ đã tích cực tham gia vào Hội nghị này. Chính sách của Mỹ được nêu ra ở Hội nghị này trong hai thập kỷ qua, đó là ngày càng gia tăng sự hiện diện của Mỹ và "kiềm chế sự nổi lên của một đối thủ có khả năng thách thức địa vị của Mỹ" ở khu vực. Đồng thời, Mỹ cũng đã luôn thể hiện sự ủng hộ đối với các chính sách của ASEAN. Chính sách an ninh, quân sự của Mỹ cũng đã góp phần tích cực đối với việc duy trì hòa bình, an ninh và ổn định ở Đông Nam Á. Ngoài ra, Mỹ còn tham gia tích cực vào các diễn đàn đa phương khác do ASEAN tổ chức và chủ trì, như Hội nghị thượng đỉnh Đông Á (EAS) từ năm 2011. Từ năm 2005, Mỹ - ASEAN thiết lập quan hệ đối tác tăng cường. Tháng 7/2009, Mỹ tham gia Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC). Mỹ là một trong những bên đối thoại đầu tiên lập phái đoàn tại ASEAN (2010). Hội nghị cấp cao Mỹ - ASEAN hằng năm (từ năm 2013). Từ năm 2015, Mỹ và ASEAN nâng cấp quan hệ song phương thành quan hệ đối tác chiến lược. Mỹ dành ưu tiên cao hỗ trợ ASEAN tăng cường năng lực bảo đảm an ninh, nhất là an ninh hàng hải trên cơ sở song phương cũng như thông qua diễn đàn khu vực. Hai bên tích cực hợp tác trong các lĩnh vực chống khủng bố, chống phổ biến vũ khí hạt nhân, an ninh mạng, chống tội phạm xuyên quốc gia,… (An Nhiên, 2016), (Mạnh Hùng, 2022).

Về quan hệ song phương, Mỹ đã tái ký kết các hiệp định song phương, nối lại các hoạt động viện trợ và huấn luyện quân sự, trao đổi thông tin tình báo, đưa quân đội đến một số nước, tiến hành tập trận chung, nhất là đồng minh truyền thống như Philippines, Thái Lan, Singapore, cho các nước này hưởng quy chế đồng minh chủ chốt ngoài NATO.

Bước sang thế kỷ XXI, "quan hệ Mỹ - ASEAN đã chuyển sang giai đoạn mới, thực chất hơn, hiệu quả hơn, tăng cường tính đối tác chiến lược, vì lợi ích đôi bên, vì hòa bình, ổn định trên thế giới. Điều này đang tạo ra những chuyển biến có lợi cho cả Mỹ và ASEAN" (Luận Thùy Dương, 15/8/2022).

3. Một vài nhận xét về quan hệ an ninh Mỹ - ASEAN (1977 – 2024)

Nhìn lại quan hệ an ninh Mỹ - ASEAN trong hơn 45 năm qua có thể thấy được có sự khác nhau ở từng thời kỳ.

Quan hệ an ninh Mỹ - ASEAN trong giai đoạn 1977 – 1990 đã có tác động tích cực đối với cả hai bên. Mỹ đã thành công trong việc phòng ngừa sự nổi lên của một cường quốc khu vực muốn thay thế vị thế của Mỹ ở khu vực, đồng thời cũng đảm bảo sự liên tục không bị ngắt quãng hệ thống các căn cứ quân sự của Mỹ ở châu Á – Thái Bình Dương. Các nước ASEAN đã tận dụng được Mỹ như "chiếc ô an ninh" để đảm bảo hòa bình, ổn định ở khu vực, đồng

thời họ cũng đã phần nào tận dụng nguồn vốn khổng lồ, kỹ thuật – công nghệ cao và thị trường tiêu thụ lớn ở Mỹ để thúc đẩy sự phát triển kinh tế đất nước.

Sau khi trật tự hai cực Yalta sụp đổ (1991), tình hình thế giới và khu vực có những biến động lớn tác động lớn đến cả Mỹ và ASEAN, do đó cả hai đều có những điều chỉnh chính sách đối ngoại của mình. Trong thời kỳ 1991 - 2000, quan hệ Mỹ - ASEAN về an ninh tuy còn có những bất đồng, song vẫn được cả hai phía duy trì và tăng cường. Điều này được thể hiện trên ba hướng: (i) Mỹ duy trì được sự hiện diện quân sự của Mỹ ở khu vực Đông Nam Á dưới các hình thức khác nhau đảm bảo được vị thế của Mỹ ở khu vực, ASEAN có được sự đảm bảo của Mỹ như một đối tác quan trọng để duy trì sự cân bằng lực lượng; (ii) Quan hệ an ninh Mỹ - ASEAN cũng được hai phía tăng cường thông qua việc tổ chức các cuộc tập trận chung; (iii) Mỹ còn tăng cường quan hệ an ninh với ASEAN thông qua việc tham gia xây dựng các cơ chế an ninh đa phương ở khu vực do ASEAN khởi xướng và đóng vai trò trung tâm. Có thể nói rằng, quan hệ Mỹ - ASEAN về an ninh thời kỳ 1991 – 2000 luôn được hai bên duy trì và tăng cường, song đã có sự thay đổi theo hướng cân bằng hơn.

Sau sự kiện 11/9/2001, Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu mới trong đó coi Đông Nam Á là "mặt trận thứ hai chống khủng bố" và xem việc tăng cường quan hệ an ninh với ASEAN nhằm "siết chặt hơn mối quan hệ và sự chi phối của Hoa Kỳ trong các vấn đề an ninh khu vực" (Ngô Thị Bích Lan, 2018). Theo đó, quan hệ Mỹ - ASEAN về an ninh ngày càng được tăng cường, mở rộng cả trên bình diện đa phương hay song phương. Mỹ ngày càng tham gia tích cực hơn, chủ động hơn và có trách nhiệm hơn vào các diễn đàn an ninh đa phương do ASEAN khởi xướng và giữ vai trò trung tâm như ARF, Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+), Diễn đàn Biển ASEAN mở rộng (EAMF), … Mỹ và các nước ASEAN cũng đã tổ chức nhiều cuộc tập trận chung hàng năm nhằm ứng phó với các thách thức an ninh (truyền thống và phi truyền thống) ở khu vực. Mỹ - ASEAN cũng đã trở thành đối tác chiến lược (2015) và nâng lên thành đối tác chiến lược toàn diện (2022). Quan hệ giữa Mỹ với các nước thành viên ASEAN cũng được thắt chặt hơn kể từ năm 2001 đến nay.

4. Kết luận

Quan hệ Mỹ - ASEAN trên lĩnh vực an ninh trong hơn 45 năm qua vẫn luôn được hai bên duy trì và không ngừng tăng cường, mở rộng. Quan hệ này cũng đã mang lại những lợi ích cho cả hai phía. Với Mỹ, đó là việc duy trì được địa vị của mình ở khu vực, với ASEAN là sự đảm bảo về hòa bình, an ninh của khu vực cũng như việc gia tăng vị thế của chính mình trên trường quốc tế. Với những bước đi gần đây trong việc tăng cường quan hệ giữa Mỹ với ASEAN, thiết nghĩ mối quan hệ này sẽ còn mang lại những lợi ích thiết thực cho cả hai phía trong thời gian đến ❑

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Lê Văn Anh. (2009). *Quan hệ Mỹ - ASEAN 1967 – 1997 lịch sử và triển vọng*. Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.

Luận Thùy Dương. (15/8/2022). Bốn mươi lăm năm quan hệ đối tác chiến lược Mỹ -

ASEAN và định hướng phát triển trong thời gian tới. *Tạp chí Cộng sản online*. https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/825729/bon-muoi-lam-nam-quan-he-doi-tac-chien-luoc-my---asean-va-dinh-huong-phat-trien-trong-thoi-gian-toi.aspx

Grebenshchikov E.S. (2002). Mỹ - ASEAN: Những thử thách mới và phạm vi hợp tác. *Tài liệu phục vụ nghiên cứu*, số TN 2002 - 90 - 91, Viện TTKHXH, Hà Nội.

Mạnh Hùng. (09/05/2022). Thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược ASEAN - Hoa Kỳ. https://dangcongsan.vn/doi-ngoai/thuc-day-quan-he-doi-tac-chien-luoc-asean-hoa-ky-609626.html

Phạm Thị Miên. (1995). Một số điều chỉnh chính sách khu vực của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á. *Nghiên cứu quốc tế*, (số 5), tr. 23 - 27.

Đào Lê Minh. (1997). Những quan điểm về trật tự kinh tế châu Á - Thái Bình Dương. *Nghiên cứu kinh tế*, (số 12), tr 41 - 50.

Đào Huy Ngọc (cb), Nguyễn Phương Bình, Hoàng Anh Tuấn. (1997). *ASEAN và sự hội nhập của Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

An Nhiên. (2016). Quan hệ Mỹ - ASEAN: hợp tác vì tương lai. *Tạp chí Cộng sản online*. https://www.tapchicongsan.org.vn/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/37849/quan-he-my---asean--hop-tac-vi-tuong-lai.aspx

Phê-đu-lốp-va N. (1983). Chính sách của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. *Kinh tế thế giới và các quan hệ quốc tế*, số 4, tr. 54 - 65, TVQĐSL.

Trùng Quang. (2011). Những cuộc tập trận Mỹ - ASEAN. *Thanh Niên online*. https://thanhnien.vn/nhung-cuoc-tap-tran-my-asean-185337719.htm

Yongming Shi, (1997). Địa vị của ASEAN được tăng cường và ảnh hưởng của nó sau chiến tranh lạnh kết thúc. *Tài liệu phục vụ nghiên cứu*, số TN 97 - 57, Viện thông tin khoa học xã hội Hà Nội.

Nguyễn Xuân Sơn và Thái Văn Long. (1997). *Quan hệ đối ngoại của các nước ASEAN*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Thông tin quan hệ quốc tế. (1987). Hợp tác an ninh giữa Mỹ và ASEAN - những giới hạn và khả năng. *Thông tin quan hệ quốc tế*, số 38, quý 3.

Lê Khương Thùy. (1999). Một số nét về quan hệ Mỹ - ASEAN sau chiến tranh lạnh. *Châu Mỹ ngày nay*, (số 1), tr.44 - 50.

Lê Khương Thùy. (2003). *Chính sách của Hoa Kỳ đối với ASEAN trong và sau Chiến tranh lạnh*. Nxb KHXH, Hà Nội.

Phạm Ngọc Uyển. (1997). Mỹ và các nước lớn với châu Á - Thái Bình Dương. *Châu Mỹ ngày nay*, (số 1), tr. 34 - 37.

Viện nghiên cứu bảo vệ hòa bình và an ninh Nhật Bản. (1994). *Về vấn đề an ninh ở khu vực Đông Nam Á*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.